



Số: 11/2025/CBTT-NEEM

V/v: Công bố Báo cáo thường niên 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 4 năm 2025

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên tổ chức: Công ty cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc

- Mã chứng khoán: NEM
- Địa chỉ: Khu Công nghiệp Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.
- Điện thoại: 02223. 617085 Fax: 02223. 617082
- Email: congyneem052004@gmail.com
- Website: <https://www.neem-electric.vn/>
- Loại thông tin công bố: ☐ 24h ☐ 72h ☐ Yêu cầu ☐ Bất thường ☒ Định kỳ

2. Nội dung thông tin công bố:

Báo cáo thường niên năm 2024 của Công ty cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc.

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử <https://www.neem-electric.vn/> – Mục Quan hệ cổ đông / Công bố thông tin.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu: TVTCDN, TCHC



Người ký: CÔNG TY
CỔ PHẦN THIẾT BỊ
ĐIỆN MIỀN BẮC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



Trần Thị Thu Thủy



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

**Địa chỉ: Khu Công nghiệp Quế Võ, Phường Phương Liễu,
Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh**

Điện thoại: 02223. 617085 Fax: 02223. 617082

Email: congtyneem052004@gmail.com

Website: <http://www.neem-electric.vn>

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN **(Năm 2024)**



**Người ký: CÔNG TY
CỔ PHẦN THIẾT BỊ
ĐIỆN MIỀN BẮC**

I. Thông tin chung**1. Thông tin khái quát**

Tên Công ty:	CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC		
Giấy ĐKDN:	Số 2300244882 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp đăng ký lần đầu ngày 28/05/2004, cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 22/02/2024		
Tên viết tắt:	NEEM.,JSC		
Vốn điều lệ:	88.485.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng)		
Trụ sở chính:	Khu Công nghiệp Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh.		
Điện thoại:	02223. 617085	Fax: 02223. 617082	
Website:	www.neem-electric.vn		
Mã cổ phiếu:	NEM		

Quá trình hình thành và phát triển

2004	➤ Công ty TNHH Liên doanh sản xuất thiết bị điện Miền Bắc được thành lập theo Giấy phép đầu tư số 12/GP-BN ngày 28/05/2004 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh với vốn điều lệ ban đầu là 1.300.000 USD
2007	➤ Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ từ 1.300.000 USD lên 1.800.000 USD (tương đương 28.800.000.000 VND), theo Giấy chứng nhận điều chỉnh Giấy phép đầu tư số 12/GP-BN/GCNDDC1-21-1 do Ủy ban nhân dân Tỉnh Bắc Ninh cấp ngày 04/05/2007.
2016	➤ Công ty chính thức chuyển đổi mô hình sang công ty cổ phần. ➤ Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ thông qua phát hành cổ phần cho cổ đông mới. Vốn điều lệ của Công ty tại thời điểm 31/12/2016 là 88.485.000.000 VND, tương đương 4.077.650 USD.
2023	➤ Ngày 06/06/2023, CTCP Thiết bị điện Miền Bắc đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận trở thành Công ty đại chúng.

	➤ Ngày 28/12/2023, CTCP Thiết bị điện Miền Bắc đã được chấp thuận đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã chứng khoán NEM
2024	➤ Ngày 05/01/2024, Ngày giao dịch đầu tiên cổ phiếu đăng ký giao dịch của CTCP Thiết bị điện Miền Bắc trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội, với giá tham chiếu là 10.200 đồng/cổ phiếu

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh của Công ty

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH	- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện. Chi tiết: Sản xuất, lắp ráp bảng tủ điện cao áp, trung áp, hạ áp và các tủ bảng thông tin - viễn thông, các vật tư, thiết bị điện khác - Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển - Xây dựng công trình công ích - Kiểm tra và phân tích kỹ thuật - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
ĐỊA BÀN KINH DOANH	Với ngành nghề kinh doanh hiện tại của Công ty là cung cấp các thiết bị điện để phục vụ cho ngành điện tại miền Bắc nên toàn bộ doanh thu và lợi nhuận mang lại cho Công ty đều đến từ thị trường miền Bắc.

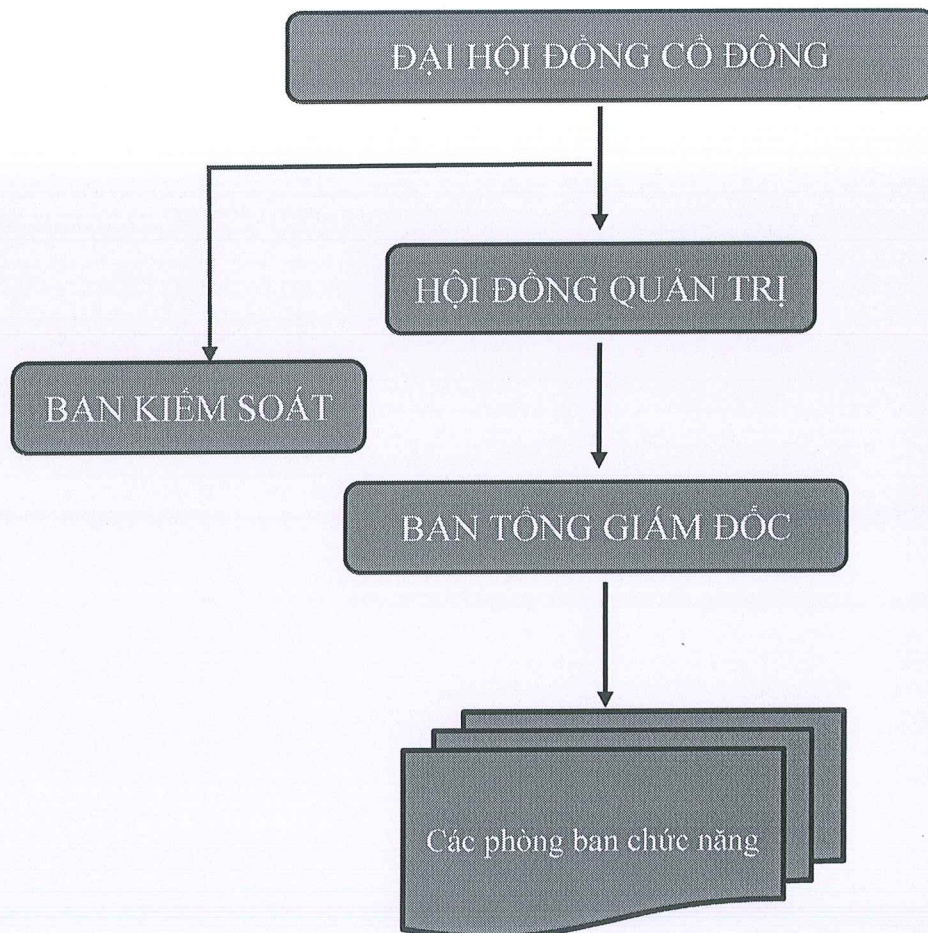
3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

a. Mô hình quản trị và cơ cấu quản lý

Mô hình quản trị Công ty gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Các phòng ban chức năng.

Các phòng ban chức năng gồm:

- Phòng Kế hoạch Kỹ thuật
- Phòng Thí nghiệm kiểm định
- Phòng Sản xuất
- Phòng Kinh doanh
- Phòng Cung ứng
- Phòng Kế toán Tài chính
- Phòng Hành chính quản trị



b. Các Công ty con, công ty liên kết

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. Định hướng phát triển

Mục tiêu chủ yếu của Công ty	- Duy trì khách hàng truyền thống và thị phần hiện có làm nền tảng phát triển và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh các sản phẩm chính đến các khách hàng và thị trường tiềm năng. Các sản phẩm kinh doanh chính bao gồm: kinh doanh vật tư thiết bị điện (gồm: dây đồng, cáp, ghép bọc nhựa kép, đầu cốt đồng, tủ bù tự động.....); vật tư thiết bị điện nhất thứ, nhì thứ trạm biến áp trọn bộ đến 110kV và trạm phát điện sức gió.
------------------------------	---

	- Xây dựng cơ chế quản lý tài chính minh bạch, công khai, đáp ứng nhu cầu thông tin tài chính, thông tin sản phẩm cho các nhà đầu tư, các đối tác nhằm tăng quy mô và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh; - Tìm kiếm các đối tác trong nước và nước ngoài để đa dạng nguồn cung ứng đầu vào và kênh phân phối sản phẩm của Công ty.
Chiến lược phát triển trung và dài hạn	- Công ty sẽ tăng cường nghiên cứu, phát triển và phân phối các sản phẩm mới để kịp thời cung cấp cho ngành điện các sản phẩm có chất lượng. - Tiến hành liên doanh, liên kết trong và ngoài nước để phát triển thị trường kinh doanh, đa dạng kênh phân phối, mở rộng địa bàn kinh doanh. - Duy trì, nâng cao hệ thống quản lý chất lượng hiện có cho phù hợp yêu cầu về sản phẩm và chất lượng sản phẩm. - Xây dựng văn hoá NEEM với thương hiệu NEEM phát triển bền vững.
Các mục tiêu phát triển bền vững	- Thực hiện tái cấu trúc hoạt động kinh doanh và đa dạng hơn ngành nghề kinh doanh, hoàn thiện cơ sở vật chất kỹ thuật và pháp lý để có thể cho thuê toàn bộ hoặc 1 phần diện tích làm kho bãi, nhà xưởng để tạo dòng tiền ổn định cho Công ty. - Công ty chú trọng đào tạo nguồn nhân lực hiện tại và kế cận cả về mặt chất lượng và số lượng. Ưu tiên tuyển dụng các lao động trực tiếp có tay nghề vững, cán bộ có kinh nghiệm và chuyên môn đáp ứng yêu cầu của sản xuất, kinh doanh trong điều kiện hội nhập kinh tế. - Tiếp tục thực hiện và duy trì thiết bị gia công cơ khí và phun sơn tiên tiến và đã được thông qua chứng nhận hệ thống quản

5. Các rủi ro

Các nhân tố rủi ro được đánh giá như sau:

a. Rủi ro về kinh tế và tăng trưởng kinh tế

Sự biến động của lạm phát, lãi suất, tỷ giá và chính sách của Chính phủ, ảnh hưởng của dịch bệnhcó tác động trực tiếp hoặc gián tiếp tới đến hoạt động và kết quả kinh doanh của Công ty.

NEEM là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thiết bị điện, cung cấp thiết bị điện (nhiều sản phẩm nhập khẩu và kinh kiện nhập từ đơn vị thứ 3) cho các doanh nghiệp kỹ thuật công nghiệp trên thị trường nên môi trường kinh tế vĩ mô có những ảnh hưởng trực tiếp tới quá trình phát triển của Công ty.

Để hạn chế ảnh hưởng của các rủi ro từ tác động của môi trường kinh tế vĩ mô, Công ty đã tiến hành dự báo tình hình phát triển kinh tế để lập kế hoạch kinh doanh với các kịch bản tăng trưởng trong tương lai. Bên cạnh đó, Công ty còn thực hiện tiết kiệm chi phí một cách triệt để nhằm gia tăng biên lợi nhuận của lĩnh vực kinh doanh truyền thống và các lĩnh vực kinh doanh khác.

b. Rủi ro lãi suất

Hiện tại Công ty chưa sử dụng nợ vay để tài trợ cho hoạt động kinh doanh nên rủi ro này chưa xuất hiện. Tuy nhiên với chiến lược, mục tiêu mở rộng địa bàn kinh doanh thì nhu cầu huy động vốn tài trợ cho vốn lưu động là sự cần thiết. Do đó, mọi biến động về lãi suất sẽ quyết định nhu cầu, thời gian sử dụng vốn vay ngân hàng để thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty. Bộ phận tài chính của Công ty luôn chủ động lên kế hoạch vay và trả nợ cụ thể phù hợp với tiến độ sử dụng vốn lưu động của Công ty.

c. Rủi ro nguyên vật liệu

Vì đặc thù của ngành sản xuất thiết bị điện là một ngành chế biến công nghiệp, nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn trong tổng doanh thu, do đó các biến động về thiếu hụt nguồn cung hoặc tăng giá nguyên vật liệu đầu vào đều sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động sản xuất của Công ty.

Để giảm thiểu các rủi ro trên, NEEM phải tìm kiếm thêm các nhà cung cấp mới ở các thị trường khác nhau, đàm phán hợp đồng khung để giữ giá và đảm bảo

đủ vật tư phục vụ sản xuất.

d. *Rủi ro về thị trường*

Hiện nay, nhu cầu sử dụng điện đang ngày càng tăng, đòi hỏi lượng lưới điện truyền tải phải gia tăng để đáp ứng các nhu cầu sản xuất và sinh hoạt hàng ngày. Vì vậy, thị trường thiết bị điện trong nước đang được coi là một thị trường tiềm năng để phát triển.

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty được xây dựng dựa vào công tác dự báo nhu cầu của thị trường trong tương lai, năng lực của Công ty và thị phần của các đối thủ cạnh tranh. Vì vậy, nếu xuất hiện yếu tố làm thay đổi nhu cầu của thị trường sẽ ảnh hưởng ngay đến kết quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Do đó, để khắc phục rủi ro này, Công ty rất chú trọng công tác nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng, tăng cường nhận dạng sản phẩm chính hãng của Công ty đồng thời dần dần mở rộng ngành nghề kinh doanh, đẩy mạnh doanh thu từ hoạt động thương mại, dịch vụ cho thuê trong cơ cấu tổng doanh thu của Công ty trong các năm tới.

e. *Rủi ro môi trường và rủi ro khác*

Bên cạnh những rủi ro trên thì NEEM còn chịu ảnh hưởng bởi một số rủi ro về môi trường và rủi ro bất khả kháng như biến đổi khí hậu, thiên tai, bão lụt, hỏa hoạn,...gây thiệt hại về tài sản, con người và ảnh hưởng đến hoạt động chung của Công ty. Tuy các rủi ro này đều ít có khả năng xảy ra nhưng khi xảy ra nó có thể gây ra sự gián đoạn trong chuỗi cung ứng, ảnh hưởng đến thời gian sản xuất và giao hàng của Công ty, từ đó tác động lớn đến hoạt động kinh doanh của Công ty, do đó vẫn đòi hỏi doanh nghiệp phải luôn có những kế hoạch phòng ngừa.

Để hạn chế rủi ro này, Công ty luôn chủ động theo dõi tình hình biến động của thời tiết, cũng như phòng ngừa các rủi ro bằng các hợp đồng bảo hiểm về tài sản và con người để hạn chế thấp nhất những thiệt hại có thể xảy ra.

II. **Tình hình hoạt động trong năm**

1. ***Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh***

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2024, các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện 2023	Kế hoạch 2024	Thực hiện 2024	Tỷ lệ TH 2024/KH 2024	Tỷ lệ TH 2024/TH 2023
----------	-------------------	------------------	-------------------	-----------------------------	-----------------------------

Doanh thu	39.105	18.500	748	4,0%	1,9%
Lợi nhuận trước thuế	152	135	(18.105)	-	-
Lợi nhuận sau thuế	(95)		(18.105)	-	-
Cổ tức (%)	1,35%	0%	0%		

Giữa tháng 5/2023, Quy hoạch điện VIII mới được Chính phủ phê duyệt và cũng cần thời gian để các thành viên của Tập đoàn điện lực Việt Nam (EVN) và các doanh nghiệp năng lượng cần chuẩn bị kế hoạch đầu tư, dẫn đến sự suy giảm mạnh của thị trường thiết bị điện nói chung và ảnh hưởng mạnh đến doanh thu của NEEM trong năm.

Hiện công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn để khôi phục lại sản xuất như trước do thị trường đầu ra của sản phẩm đặc thù của Công ty còn hạn chế bởi nhu cầu tiêu dùng sụt giảm, trong khi chi phí để sửa chữa, thay thế khôi phục lại nhân sự, nhà xưởng, dây chuyền sản xuất được dự báo sẽ rất tốn kém bởi sự xuống cấp trầm trọng. Doanh thu hàng hóa trong năm đến từ việc xuất bán một phần lượng hàng tồn kho của Công ty và doanh thu thương mại.

2. Tổ chức và nhân sự

a. Danh sách Ban điều hành

STT	Họ và Tên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Bà Trần Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc	3.183.418	35,98%
2	Bà Đỗ Thị Thường	Kế toán trưởng	0	0%

Bà Trần Thị Thu Thủy – Chức vụ: Tổng Giám đốc Công ty:

Giới tính : Nữ

Năm sinh : 1987

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc : Kinh

Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế

Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 3.183.418 cổ phần

Quá trình công tác:

Trước năm 2014 : Lao động tự do
Từ 2014 đến nay : Công ty cổ phần Feroli Việt Nam
Từ 23/12/2021 đến nay : Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Bà Đỗ Thị Thường - Kế toán trưởng:

Giới tính : Nữ
Năm sinh : 1982
Quốc tịch : Việt Nam
Dân tộc : Kinh
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số lượng cổ phần sở hữu cá nhân : 0

Quá trình công tác:

Từ năm 2005 đến năm 2019 : Nhân viên Phòng Kế toán Công ty cổ phần thiết bị điện Miền bắc
Từ 2020 đến tháng 6/2024 : Phó Phòng phụ trách Phòng Tài chính Kế toán Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc
Từ tháng 6/2024 đến nay : Kế toán trưởng

b. Những thay đổi trong Ban điều hành năm 2024: Không có

c. Số lượng cán bộ, nhân viên

- Tổng số cán bộ, nhân viên tại ngày 31/12/2024: 05 người

- Phân loại theo giới tính:

+ Nam: 01 người

+ Nữ: 04 người

- Phân loại theo hình thức làm việc:

+ Lao động chính thức: 05 người

+ Lao động thời vụ: 0 người

d. Chính sách đào tạo

- Tổ chức những buổi tập huấn đào tạo cho đội ngũ nhân viên về kiến thức và cơ hội trong ngành nghề kinh doanh mới của Công ty.

- Thường xuyên cập nhật, nâng cao kỹ năng nghiệp vụ phục vụ công tác kinh doanh sản xuất, kỹ năng quản trị của đội ngũ quản lý Công ty.

e. Chính sách tuyển dụng

Định kỳ, theo nhu cầu của Công ty, NEEM sẽ tổ chức các chương trình tuyển dụng để thu hút thêm nhân sự, nâng cao trình độ chuyên môn, phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động tuyển dụng luôn được Công ty thực hiện với tiêu chí công khai, minh bạch. Các chương trình tuyển dụng của Công ty sẽ được đăng trực tiếp trên website Công ty cũng như những website tuyển dụng lớn trong nước đảm bảo mọi người đều có thể thấy và theo dõi liên tục.

f. Chính sách lương, thưởng, đãi ngộ

Công ty đưa ra chính sách lương, thưởng đa dạng, phong phú như:

- Công ty luôn thực hiện đầy đủ các chính sách đối với người lao động theo quy định của Pháp luật như đóng đầy đủ các khoản tiền BHYT, BHXH theo mức lương thực nhận cho 100% cán bộ công nhân viên.
- Thực hiện tốt các chính sách đảm bảo sức khỏe làm việc của đội ngũ nhân viên như tham gia đóng Bảo hiểm tai nạn, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, trợ cấp cho những công nhân viên bị tai nạn lao động,...
- Bên cạnh đó, Công ty cũng tổ chức những hoạt động tập thể nhằm gia tăng sự đoàn kết cho công nhân viên như du lịch dã ngoại, các cuộc thi thể thao, tổ chức tặng quà cho nhân viên trong những dịp Lễ, tết như Ngày Quốc tế Phụ Nữ 8/3, Ngày Phụ Nữ Việt Nam 20/10,..

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án*

a. Các khoản đầu tư lớn

- Đầu tư tài chính nắm giữ đến ngày đáo hạn
- Hiện Công ty đang đánh giá lại nhu cầu sản xuất kinh doanh để có kế hoạch đầu tư hiệu quả vào các tài sản dài hạn

b. Các công ty con, công ty liên kết:

Công ty không có công ty con, công ty liên kết

4. *Tình hình tài chính*

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2023	Năm 2024	% tăng giảm
----	----------	----------	----------	-------------

				2024/2023
1	Tổng giá trị tài sản	89.407	70.995	-20,6%
2	Doanh thu thuần	39.105	748	-98,1%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	152	(18.105)	-
4	Lợi nhuận khác	0	0	-
5	Lợi nhuận trước thuế	152	(18.105)	-
6	Lợi nhuận sau thuế	(95)	(18.105)	-
7	Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	1,35%	0%	-

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
1.	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn)	Lần	87,2	139,0
	- Hệ số thanh toán nhanh [(Tài sản lưu động - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	78,3	139
2.	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	0,7	0,004
	- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	0,7	0,004
3.	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân)	Vòng	6,6	2,38
	- Vòng quay Tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân)	Vòng	0,4	0,009

	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,24	-24,2
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-0,11	-0,23
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-0,09	-0,23
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	0,39	-24,2

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC năm 2023 và năm 2024 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần	: 8.848.500 cổ phần
- Mệnh giá	: 10.000 đồng
- Loại cổ phần đang lưu hành	: Phổ thông
- Cổ phiếu quỹ	: Không
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: Không

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 31/12/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)			
	Tổ chức	0	0%	0
	Cá nhân	8.062.866	91,1%	3
2	Cổ đông nhỏ (Số lượng cp sở hữu <5%)			
	Tổ chức	0	0%	0
	Cá nhân	785.634	8,9%	122
3	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	0	0,0%	0
	Cá nhân	8.848.500	100,0%	125
4	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0%	0

	Cá nhân	0	0%	0
5	Cổ phiếu quỹ			
Tổng cộng		8.848.500	100%	125

Danh sách các cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty sau ngày đầu giá

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Thu	Số 290 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.555.832	28,88%
2	Trần Thị Thu Thủy	Tập thể 144, Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	3.183.418	35,98%
3	Nguyễn Thị Phương	Trung Thôn, xã Nghi Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội	2.323.616	26,26%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tăng vốn điều lệ lần 1 của Công ty liên doanh vào năm 2007:
 - Giá trị vốn góp trước khi tăng vốn: 1.300.000 USD (Bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đô la Mỹ).
 - Giá trị vốn góp tăng thêm: 500.000 USD (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đô la Mỹ).
 - Giá trị vốn góp sau khi tăng vốn: 1.800.000 USD (Bằng chữ: Một triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ), tương đương 28.800.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng).
 - Đối tượng mua phần vốn góp tăng thêm: Các thành viên góp vốn của Công ty góp thêm theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thời điểm này Công ty có tên là Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc là liên doanh có 2 thành viên góp vốn là Tổng Công ty điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên Hà Nam (Trung Quốc)
 - Tăng vốn điều lệ lần 2 trong năm 2016 và duy trì vốn điều lệ đến thời điểm hiện tại:
 - Giá trị vốn góp trước khi tăng vốn: 28.800.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng).
 - Giá trị vốn góp tăng thêm: 59.685.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng).
 - Giá trị vốn góp sau khi tăng vốn: 88.485.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
 - Đối tượng mua phần vốn góp tăng thêm: Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang công ty cổ phần gồm 3 thành viên và ghi nhận thêm nhà đầu tư mới là Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế (Trung Quốc).
- Cơ cấu vốn góp năm 2016 sau khi tăng vốn:

	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023
4.	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-0,24	-24,2
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	-0,11	-0,23
	- Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	-0,09	-0,23
	- Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/DTT	%	0,39	-24,2

(Nguồn: Tính toán dựa trên BCTC năm 2023 và năm 2024 đã được kiểm toán)

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a. Cổ phần

- Tổng số cổ phần	: 8.848.500 cổ phần
- Mệnh giá	: 10.000 đồng
- Loại cổ phần đang lưu hành	: Phổ thông
- Cổ phiếu quỹ	: Không
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	: Không

b. Cơ cấu cổ đông (theo danh sách chốt ngày 31/12/2024 do Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam (VSDC) cung cấp)

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ %	Số lượng cổ đông
1	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% cp trở lên)			
	Tổ chức	0	0%	0
	Cá nhân	8.062.866	91,1%	3
2	Cổ đông nhỏ (Số lượng cp sở hữu <5%)			
	Tổ chức	0	0%	0
	Cá nhân	785.634	8,9%	122
3	Cổ đông trong nước			
	Tổ chức	0	0,0%	0
	Cá nhân	8.848.500	100,0%	125
4	Cổ đông nước ngoài			
	Tổ chức	0	0%	0

	Cá nhân	0	0%	0
5	Cổ phiếu quỹ			
Tổng cộng		8.848.500	100%	125

Danh sách các cổ đông lớn nắm giữ từ 5% vốn cổ phần của Công ty sau ngày đầu giá

STT	Họ và tên	Địa chỉ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ
1	Vũ Thị Thu	Số 290 Nguyễn Trãi, Trung Văn, Nam Từ Liêm, Hà Nội	2.555.832	28,88%
2	Trần Thị Thu Thủy	Tập thể 144, Ngọc Hồi, Thanh Trì, Hà Nội	3.183.418	35,98%
3	Nguyễn Thị Phương	Trung Thôn, xã Nghi Khê, huyện Thường Tín, Hà Nội	2.323.616	26,26%

c. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Tăng vốn điều lệ lần 1 của Công ty liên doanh vào năm 2007:
 - Giá trị vốn góp trước khi tăng vốn: 1.300.000 USD (Bằng chữ: Một triệu ba trăm nghìn đô la Mỹ).
 - Giá trị vốn góp tăng thêm: 500.000 USD (Bằng chữ: Năm trăm nghìn đô la Mỹ).
 - Giá trị vốn góp sau khi tăng vốn: 1.800.000 USD (Bằng chữ: Một triệu tám trăm nghìn đô la Mỹ), tương đương 28.800.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng).
 - Đối tượng mua phần vốn góp tăng thêm: Các thành viên góp vốn của Công ty góp thêm theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ công ty. Thời điểm này Công ty có tên là Công ty TNHH Liên doanh Sản xuất thiết bị điện Miền Bắc là liên doanh có 2 thành viên góp vốn là Tổng Công ty điện lực Miền Bắc và Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên Hà Nam (Trung Quốc)
 - Tăng vốn điều lệ lần 2 trong năm 2016 và duy trì vốn điều lệ đến thời điểm hiện tại:
 - Giá trị vốn góp trước khi tăng vốn: 28.800.000.000 VND (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng).
 - Giá trị vốn góp tăng thêm: 59.685.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi chín tỷ sáu trăm tám mươi lăm triệu đồng).
 - Giá trị vốn góp sau khi tăng vốn: 88.485.000.000 đồng (Bằng chữ: Tám mươi tám tỷ bốn trăm tám mươi lăm triệu đồng).
 - Đối tượng mua phần vốn góp tăng thêm: Công ty chuyển đổi mô hình hoạt động từ công ty TNHH sang công ty cổ phần gồm 3 thành viên và ghi nhận thêm nhà đầu tư mới là Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế (Trung Quốc).
- Cơ cấu vốn góp năm 2016 sau khi tăng vốn:

Stt	Tên cổ đông	Giá trị vốn góp sở hữu trước khi tăng vốn (đồng)	Giá trị vốn góp tăng thêm (đồng)	Giá trị vốn góp sở hữu sau khi tăng thêm (đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty điện lực Miền Bắc	14.400.000.000	8.836.161.000	23.236.161.000	26,26
2	Công ty TNHH Đầu tư Long Nguyên Hà Nam	14.400.000.000	8.836.161.000	23.236.161.000	26,26
3	Công ty TNHH Tập đoàn Hứa Kế	0	42.012.678.000	42.012.678.000	47,48
	TỔNG CỘNG	28.800.000.000	59.685.000.000	88.485.000.000	100

Như vậy, CTCP Thiết bị điện Miền Bắc đã trải qua 02 lần tăng vốn và vốn điều lệ tại thời điểm hiện tại là 88.485.000.000 đồng. Đồng thời sau khi Tổng Công ty điện lực Miền Bắc thoái vốn thành công, thời điểm hiện tại trong cơ cấu cổ đông của Công ty không có cổ đông tổ chức và cổ đông nước ngoài.

- d. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không
- e. Các chứng khoán khác: Không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

6.1. Tác động lên môi trường:

Do hiện tại Công ty chưa triển khai lại hoạt động sản xuất và tập trung vào các hoạt động thương mại nên hoạt động của Công ty không có tác động lên môi trường. Tuy nhiên Công ty luôn ý thức được khi khôi phục lại sản xuất, hoạt động sản xuất của công ty không thể tránh khỏi việc thải ra các chất thải và điều này sẽ tác động tiêu cực đến môi trường. Khi đó, Công ty cũng đã sẵn sàng áp dụng các biện pháp để xử lý chất thải công nghiệp từ hoạt động sản xuất tại nhà máy theo đúng quy định của Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ về quản lý chất thải và phế liệu; và theo quy định của Ban Quản lý Khu Công nghiệp Bắc Ninh.

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Tương tự như báo cáo tác động lên môi trường, hiện tại lượng nguyên vật liệu dùng cho hoạt động của Công ty là không đáng kể và trong năm 2024, Công ty không vi phạm bất kỳ quy định nào về bảo vệ môi trường, quản lý nguồn nguyên vật liệu của các cơ quan quản lý, KCN Bắc Ninh. Tuy nhiên trong quy trình sản xuất của Công ty đã xây dựng đảm bảo khi Công ty khôi phục lại sản xuất sẽ tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về sử dụng nguyên vật liệu, quy định về xả thải hợp lý đồng thời tối ưu hóa quy trình sản xuất nhằm tăng năng suất đầu ra, giảm các sản phẩm lỗi gây tiêu tốn nguyên vật liệu và năng lượng sản xuất.

6.3. Tiêu thụ năng lượng

- a. Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: hiện tại nguồn năng lượng được sử dụng chủ yếu trong hoạt động sản xuất và kinh doanh của Công ty là điện năng từ hệ thống điện quốc gia. Hiện Công ty chưa sử dụng điện vào sản xuất mà chỉ sử dụng điện ở khu vực văn phòng công sở và sử dụng hệ thống đèn LED để chiếu sáng giúp vừa tiết kiệm năng lượng, vừa đảm bảo được mức độ ánh sáng thích hợp cho đội ngũ nhân viên văn phòng làm việc; vì vậy lượng điện tiêu thụ trong năm 2024 là không đáng kể.

Năng lượng tiêu thụ trong năm 2024: 650kwh/tháng.

- b. Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: Không
- c. Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng: Không

6.4. Tiêu thụ nước

Nguồn nước được Công ty sử dụng tại văn phòng và các nhà máy sản xuất được cung cấp bởi các Công ty phân phối nước trong khu vực. Đây là những nguồn cung cấp nước sạch đúng quy định của địa phương, đáp ứng được các yêu cầu của Công ty trong quá trình sử dụng nước để sản xuất và sinh hoạt. Hằng năm, Ban lãnh đạo Công ty đều cử người đi kiểm tra, bảo dưỡng hệ thống đường dẫn nước của toàn bộ khu văn phòng và khu sản xuất đảm bảo hệ thống cung cấp nước luôn được diễn ra liên tục, không bị tắc nghẽn.

Lượng nước sử dụng trong năm 2024: 5m³/tháng.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- a. Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không
- b. Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

- a. Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động
- Tổng số lao động bình quân: 05 người
 - Thu nhập bình quân: 8.500.000 đồng/người/tháng.
- b. Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động
- Chính sách tiền lương, thưởng: Công ty luôn bảo đảm quỹ lương, thưởng của Công ty được sử dụng một cách công khai, minh bạch và phân bổ đều đến từng cá nhân dựa vào trình độ kỹ năng cùng những đóng góp của cá nhân đối với Công ty, qua đó thúc đẩy, khuyến khích người lao động nâng cao hiệu quả công việc.
 - Công ty thực hiện công tác phúc lợi cho người lao động, duy trì quan tâm đến điều kiện lao động trong Công ty: đóng bảo hiểm đầy đủ, trang bị cho công nhân viên các thiết bị phòng hộ để đảm bảo an toàn lao động. Thường xuyên tổ chức kiểm tra môi trường lao động hàng năm để phát hiện và khắc phục các yếu tố nguy hiểm đến sức khỏe và an toàn tính mạng của người lao động
- c. Hoạt động đào tạo người lao động:

Định kỳ, Công ty tổ chức các buổi tập huấn, đào tạo để nâng cao năng lực chuyên môn của đội ngũ nhân viên Công ty. Qua đó, đội ngũ lao động sẽ được phân công công việc phù hợp với trình độ và kỹ năng chuyên môn của từng cá nhân.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn duy trì, hưởng ứng các cuộc vận động của chính quyền địa phương, thực hiện các nghĩa vụ và công tác xã hội đầy đủ.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Hoạt động thị trường vốn xanh bao gồm các hoạt động như phát hành cổ phiếu xanh nhằm tạo ra nguồn vốn cho các doanh nghiệp thực hiện các dự án liên quan đến môi trường, phát triển xanh. Đây là một hoạt động mới, mang tính chất quan trọng được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành nhằm hướng các doanh nghiệp thực hiện hoạt động sản xuất thân thiện với môi trường. Công ty hiện đang cập nhật và tiếp thu những thông báo của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, đồng thời tìm hiểu và thực hiện theo đúng các văn bản ban hành của Ủy ban nhằm hướng đến sự phát triển bền vững lâu dài của Công ty.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Do bị ảnh hưởng nặng nề của dịch bệnh Covid -19, hoạt động sản xuất và gia công sản phẩm của Công ty bị đình trệ và vẫn chưa khôi phục lại, hoạt động thương mại cũng rất hạn chế do hoạt động kinh doanh của các khách hàng truyền thống của Công ty cũng bị thu hẹp, các mặt hàng tồn kho của Công ty không có sự đa dạng về chủng loại và không còn phù hợp với nhu cầu hiện tại của thị trường. Công ty chưa chuyển đổi được chủng loại sản phẩm sản xuất và kinh doanh dẫn đến hoạt động kinh doanh của Công ty gặp rất nhiều khó khăn.

So với kế hoạch đã đề ra trong năm 2024, Công ty đã hoàn thành 4% kế hoạch doanh thu và Lợi nhuận sau thuế TNDN âm 18,1 tỷ đồng. Các nguyên nhân khiến lợi nhuận sau thuế âm bao gồm:

- Doanh thu thuần sụt giảm mạnh do các nguyên nhân ở trên trong khi biên lợi nhuận gộp rất thấp khiến không đủ bù đắp các sự kiện phát sinh đột biến liệt kê dưới đây;
- Giá vốn của hàng hoá thương mại tăng đột biến do công ty phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho theo quy định kế toán và chuẩn mực kiểm toán hiện hành;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng đột biến do Công ty phải trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định kế toán và chuẩn mực kiểm toán hiện hành; sau khi các khoản nợ khó đòi được thu hồi xong thì sẽ ghi nhận vào thu nhập khác trong các năm tài chính tiếp theo.

a. Về công tác kinh doanh

Ngay từ đầu năm Công ty cũng đã xác định doanh thu thuần nếu chỉ phụ thuộc hoàn toàn hoạt động bán hàng sẽ không tận dụng được các lợi thế của Công ty và khó tăng trưởng bền vững và đã dự báo nhiều khó khăn trong hoạt động thương

mại đối với ngành nghề kinh doanh của Công ty.

Trong năm, Công ty cũng đã xác định chiến lược dài hạn để chuyển đổi mô hình sản xuất kinh doanh chính của Công ty trong trường hợp xấu nhất là không thể khôi phục sản xuất như trước đây. Qua đó, Công ty đang tiến hành các thủ tục với các cơ quan quản lý Nhà nước để được phép cho thuê phần diện tích nhà xưởng của Công ty để tạo nguồn doanh thu ổn định hơn. Dự kiến trong năm 2025 Công ty sẽ hoàn thành các thủ tục này.

b. Về công tác sản xuất

Như đã phân tích ở trên về những rủi ro có thể gặp phải khi khôi phục các dây truyền sản xuất, vì vậy Công ty chưa quyết định khôi phục lại hoạt động sản xuất như thời điểm trước dịch Covid 19 và tiếp tục cần thời gian đánh giá phương án hiệu quả nhất cho Công ty.

c. Công tác tài chính kế toán

- Trong năm 2024, Công ty đã bổ nhiệm kế toán trưởng để hoàn thiện bộ máy kế toán tài chính theo đúng quy định của Luật Doanh nghiệp 2020;
- Hàng tháng, quý đã kịp thời thống kê số liệu, phân tích và báo cáo lãnh đạo Công ty để quyết định phương án sản xuất kinh doanh hợp lý;
- Thực hiện các nghiệp vụ kế toán đặc thù liên quan đến hàng tồn kho, công nợ phải thu, khấu hao tài sản cố định...theo đúng quy định kế toán hiện hành.

2. Tình hình tài chính

- a. Tình hình tài sản: Tổng giá trị tài sản của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 89,41 tỷ đồng

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1. Tài sản ngắn hạn	39.348	55.035	-28,50%
2. Tài sản dài hạn	31.608	34.372	-8,04%
3. Tổng Tài sản	70.955	89.407	-20,64%

- b. Tình hình nợ phải trả: Nợ phải trả của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 283 triệu đồng

Đvt: triệu đồng

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm	Tỷ lệ tăng giảm (%)
1. Nợ ngắn hạn	283	630	-55,08%
2. Nợ dài hạn	0	0	
3. Tổng Nợ phải trả	283	630	-55,08%

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý

Trong năm 2024, sau khi cổ đông lớn Nhà nước đã hoàn thành việc thoái vốn tại Công ty và không tiếp tục cử người đại diện phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp, Công ty chính thức không còn là Công ty liên kết của Tổng Công ty Thiết bị Điện Miền Bắc – DNNN. Công ty đang thực hiện cẩn trọng từng bước trong giai đoạn chuyển đổi từ Công ty cổ phần có vốn nhà nước sang Công ty cổ phần 100% vốn tư nhân để đảm bảo công tác quản lý và vận hành diễn ra ổn định.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

a. Các chỉ tiêu trong năm 2024

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2025/ Thực hiện 2024
1. Tổng Doanh thu	Tr.đồng	748	5.200	695,19%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(18.105)	208	-

b. Giải pháp thực hiện

- Công tác tài chính:
Thu hồi công nợ, quay vòng vốn nhanh, tăng hiệu quả sản xuất. Kiểm soát các chi phí quản lý trên các Quy định và Quy chế của Công ty đã ban hành. Tranh thủ sự giúp đỡ vay lãi suất ưu đãi của các ngân hàng cho sản xuất.
- Công tác đào tạo:
Bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ công nhân viên, đặc biệt chú trọng đào tạo kỹ năng mềm cho cán bộ quản lý, nâng cao tay nghề chuyên môn, đào tạo công nhân viên giỏi ngang tầm nhiệm vụ. Tăng cường công tác đào tạo nội bộ, tích lũy kinh nghiệm cho cán bộ công nhân viên, đồng thời tuyển thêm lao động để hoàn thiện cơ cấu tổ chức và đảm bảo lao động làm việc liên tục và thường xuyên.
- Công tác mua hàng:
 - Tìm kiếm và đàm phán mua trực tiếp của các đơn vị sản xuất sản phẩm phù hợp với dự báo nhu cầu hiện tại và tương lai trong ngành thiết bị điện, phù hợp với nhu cầu các khách hàng truyền thống của Công ty. Tìm nhiều nhà cung cấp cho cùng một sản phẩm.
 - Duy trì vòng quay hàng tồn kho hợp lý.
- Công tác bán hàng:
Thực hiện chính sách bán hàng linh hoạt và cạnh tranh phù hợp với từng đối tượng khách hàng. Thực hiện tốt các dịch vụ sau bán hàng, tăng cường đội ngũ bán hàng, tìm kiếm các khách hàng tiềm năng.
Giữ vững các bạn hàng truyền thống hiện nay như: CTCP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu, CTCP thiết bị điện GE Việt Nam, CTCP thiết bị và phân phối điện và CTCP Điện Công nghiệp Hà Nội.

5. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

Năm 2024, Công ty đã chấp hành các quy định pháp luật về bảo vệ môi trường; ký kết các cam kết và đảm bảo về trách nhiệm môi trường khi thiết lập, thực hiện các giao dịch với đối tác. Chấp hành các quy định về an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, an ninh quốc phòng.

Trong năm Công ty đã có các hoạt động về môi trường, tham gia các hoạt động xã hội và công tác từ thiện. Công ty luôn quan tâm và thực hiện các giải pháp nhằm giảm thiểu sự tác động có hại đến môi trường trong quá trình sản xuất kinh doanh.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Năm 2024 là thời điểm khó khăn nhất đối với Công ty từ khi thành lập, nhiều yếu tố bất lợi cả chủ quan và khách quan đến cùng lúc. Công ty phải đối diện với quyết định có thực hiện khôi phục hoạt động sản xuất kinh doanh như thời điểm trước dịch Covid 19 hay chấp nhận chuyển đổi ngành nghề sản xuất kinh doanh chính để phù hợp với thực tế thị trường. Điều này ảnh hưởng rất lớn đến sự tồn tại của Công ty nên cần đánh giá kỹ càng và chấp nhận những kết quả kinh doanh không tích cực trong ngắn hạn. Vì vậy, hoạt động thương mại trong năm 2024 Công ty không đẩy mạnh khi công tác thu hồi nợ không có tiến triển, đối mặt với những khó khăn trong năm 2024, Công ty đã đạt được kết quả kinh doanh như sau: Tổng Doanh thu thuần là 748 triệu đồng đạt 4% so với kế hoạch 2024 (18.500 triệu đồng). Tổng lợi nhuận trước thuế là 152 triệu đồng đạt 15,6% so với thực hiện trong năm 2022 (974 triệu đồng) và đạt 109% kế hoạch 2023 (140 triệu đồng).

Trong năm, Công ty đã thực hành tiết kiệm các chi phí sản xuất kinh doanh, nâng cao năng lực quản trị đáp ứng mô hình quản trị công ty đại chúng, thực hiện nghiêm chỉnh những quy định kế toán và kiểm toán hiện hành trong quản trị tài chính doanh nghiệp, việc cần trích lập dự phòng hàng tồn kho và công nợ khó đòi khiến lợi nhuận của công ty sụt giảm mạnh trong năm 2024, Tổng lợi nhuận trước thuế là lỗ 18,1 tỷ so với kế hoạch là lãi 135 triệu đồng

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Giám đốc trong quá trình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2024 khi đối diện với nhiều khó khăn.

Với các đề xuất giải pháp khắc phục, các phương án hoạt động dự kiến trong tương lai, công tác điều hành của Ban Giám đốc đã cùng HĐQT NEEM đối diện và đánh giá đầy đủ khó khăn, góp phần giúp HĐQT có định hướng chính xác hơn để sớm ổn định hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Năm 2025, HĐQT NEEM nhận định những khó khăn hiện tại trước mắt chưa thể khắc phục ngay được. Cổ đông Nhà nước trước đây là Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc đã không còn hỗ trợ nhiều cho sự duy trì hoạt động bán hàng cho các đối tác thương mại truyền thống.

Tiếp theo, do sự xuống cấp quá nghiêm trọng của dây chuyền sản xuất và nhà

xưởng, HĐQT đánh giá việc khôi phục lại sản xuất sẽ cần chi phí rất lớn trong khi nhu cầu về sản phẩm sụt giảm do có nhiều sự cạnh tranh trên thị trường, nguồn vốn lưu động hiện tại của Công ty cần được sử dụng hiệu quả. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc cần tiếp tục đánh giá toàn diện về thị trường, đánh giá về tài sản phục vụ cho hoạt động sản xuất, chi phí đầu tư, hiệu quả đầu tư, hiệu quả của việc chuyển dịch ngành nghề kinh doanh.

Với những khó khăn trên, trong năm 2025, Hội đồng quản trị định hướng sẽ tiếp tục thực hiện hoạt động thương mại trên lượng hàng tồn kho hiện có, hỗ trợ Ban giám đốc phối hợp với Tổng Công ty thiết bị điện Miền Bắc có phương án xử lý dứt điểm các công nợ khó đòi hiện tại nhằm cải thiện dòng tiền và các chỉ tiêu tài chính cho Công ty. Ngoài ra, HĐQT và Ban Giám đốc cần đánh giá chi tiết về phương án cho thuê một phần hoặc toàn bộ diện tích nhà xưởng hiện có (NEEM hiện đang sở hữu 23.596,0m2 đất làm văn phòng, nhà xưởng tại khu công nghiệp Quê Võ, Bắc Ninh, có địa thế thuận lợi về giao thông) về tính khả thi của thủ tục pháp lý của việc chuyển đổi, tính hiệu quả của phương án thiết kế, sửa chữa nhà xưởng mới để giải quyết vấn đề dòng tiền trong ngắn hạn; đồng thời có đánh giá chi tiết về hiệu quả kinh doanh khi khôi phục lại hoạt động sản xuất của Công ty. Trên kế hoạch kinh doanh giai đoạn 2023 – 2027 và các thuận lợi khó khăn hiện tại, Hội đồng quản trị đề ra phương hướng hoạt động trong năm 2025 như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2024	Kế hoạch 2025	Kế hoạch 2025/ Thực hiện 2024
1. Tổng Doanh thu	Tr.đồng	748	5.200	695,19%
2. Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	(18.105)	208	-

V. Quản trị Công ty

1. Hội đồng quản trị

a. Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị tại thời điểm 31/12/2024 gồm 3 thành viên:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết	Chức danh quản lý nắm giữ tại công ty khác
1	Vũ Thị Thu	CT. HĐQT (Thành viên HĐQT không điều hành)	28,88%	Không có

2	Trần Thị Thu Thủy	TV. HĐQT, Tổng Giám đốc	35,98%	Không có
3	Nguyễn Thị Phương	TV. HĐQT không điều hành	26,26%	Không có

- b. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không
- c. Hoạt động của Hội đồng quản trị
- Trong năm 2024, Hội đồng quản trị đã chủ trì, tổ chức cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 và một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bất thường ngày 21/02/2024.
 - Các cuộc họp Hội đồng quản trị diễn ra trong năm 2024:

STT	Số Nghị quyết/Q.định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	06/01/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2024	100%
2	03/BB-HĐQT	21/02/2024	Biên bản HĐQT về việc bầu Chủ tịch HĐQT Công ty	100%
3	18/2024/QĐ-HĐQT	16/04/2024	Nghị quyết HĐQT về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
4	21/QĐ-HĐQT	09/05/2024	Nghị quyết HĐQT về việc thông qua các tài liệu trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2024	100%
5	01/QĐ-HĐQT	06/06/2024	Quyết định HĐQT bổ nhiệm chức vụ Kế toán trưởng	100%

- d. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có
- e. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị công ty trong năm: Không

2. Ban Kiểm soát

- a. Thành viên và cơ cấu Ban kiểm soát tại thời điểm 31/12/2024

STT	Thành viên Ban kiểm soát	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là TV BKS
1	Bà Đỗ Thị My	Trưởng Ban Kiểm soát	21/02/2024
2	Bà Vũ Quỳnh Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	Tháng 6/2022
3	Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	Tháng 6/2022

- Giám sát tình hình thực hiện các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông năm 2024, giám sát việc chấp hành pháp luật, Điều lệ Công ty, các Quy chế, quy trình của Công ty và Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị;

- Giám sát báo cáo tài chính hàng Quý năm 2024;
- Trình Hội đồng quản trị phê duyệt việc lựa chọn Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn RMS Việt Nam – CN Hà Nội là đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính 2024;
- Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị và đưa ra các ý kiến trong phạm vi, trách nhiệm và quyền hạn của Ban kiểm soát.

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát trong năm 2024:

STT	Thành viên BKS	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Bà Đỗ Thị My	2	66,67%
2	Bà Vũ Quỳnh Hoa	3	100%
3	Bà Nguyễn Thị Hà	3	100%

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích (tổng trong năm 2024)

STT	Họ và tên	Chức vụ	Số tiền (đồng)
1	Bà Vũ Thị Thu	Chủ tịch HĐQT	0
2	Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc	136.500.000
3	Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT	0
4	Bà Đỗ Thị Thường	Kế toán trưởng	105.000.000
5	Bà Đỗ Thị My	Trưởng Ban Kiểm soát	0
6	Bà Vũ Quỳnh Hoa	Thành viên Ban Kiểm soát	0
7	Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên Ban Kiểm soát	0

b. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ

- Người nội bộ thực hiện giao dịch: Vũ Thị Thu
 - Chức vụ tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng quản trị
 - Thời gian giao dịch: 16/07/2024
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch: 2.304.032 cổ phiếu, tương đương nắm giữ 26,04% số cổ phiếu đang lưu hành của NEM.
 - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch: 2.555.832 cổ phiếu, tương đương nắm giữ 28,88% số cổ phiếu đang lưu hành của NEM.
 - Phương thức giao dịch: Mua khớp lệnh
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có
- d. Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Trong năm 2024, Công ty tuân thủ đầy đủ và nghiêm túc các quy định về quản trị công ty áp dụng cho các công ty đại chúng cũng như công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, đồng thời Công ty luôn duy trì công tác cập nhật các quy định do Ủy ban chứng khoán Nhà nước ban hành và nghiêm túc triển khai áp dụng vào công tác quản trị nội bộ công ty. Đồng thời, các thành viên HĐQT và Ban Giám đốc thường xuyên tổ chức các chương trình tập huấn để nâng cao hiệu quả quản trị.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 96/2025/RSMHN-BCKT được phát hành bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn RSM Việt Nam – Chi nhánh Hà Nội ngày 29/03/2025

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Như được trình bày tại thuyết minh 4.1 “Tiền và các khoản tương đương tiền”, tại ngày 31/12/2024 số dư tiền mặt của Công ty là 11.925.420.860 VND được hình thành từ các giao dịch rút/nộp tiền gửi ngân hàng sang tiền mặt với giá trị lớn trong năm. Bằng các thủ tục kiểm toán đã thực hiện cũng không cung cấp cho chúng tôi đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp đối với tính hiện hữu và tính hợp lý của số dư tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2024. Theo đó, chúng tôi cũng không có cơ sở để đánh giá tính hiện hữu và tính hợp lý của số dư tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như ảnh hưởng của chúng đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.”

Ý kiến của kiểm toán ngoại trừ:

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu ra tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Giải trình về ý kiến ngoại trừ của kiểm toán

Số dư tiền mặt tại thời điểm cuối năm hình thành từ các giao dịch rút/nộp tiền gửi

ngân hàng sang tiền mặt có giá trị lớn liên quan đến việc trong năm Công ty lên phương án lựa chọn nhà thầu tư vấn thiết kế, thi công sửa chữa lớn nhà cửa, vật kiến trúc xây dựng đã xuống cấp nghiêm trọng và kế hoạch đầu tư mới máy móc thiết bị sản xuất sản phẩm mới. Do kế hoạch trên chưa thực hiện được và Công ty chưa kịp chuyển số dư tiền mặt sang tiền gửi ngân hàng vào thời điểm cuối năm dẫn đến số dư tiền mặt lớn. Sau ngày kết thúc năm tài chính 2024, Công ty đã thực hiện giảm số dư tiền mặt và tăng số dư tiền gửi ngân hàng. Đến thời điểm 29/03/2024, số dư tiền mặt của Công ty là 5.033.785.902 VND và số dư tiền gửi ngân hàng của Công ty là 30.189.573.438 VND.

3. Báo cáo tài chính được kiểm toán

Báo cáo tài chính được kiểm toán năm 2024 của Công ty CP Thiết bị điện Miền Bắc (NEM) đã được công bố thông tin đúng quy định trên hệ thống IDS, CIMS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty theo đường dẫn: <https://www.neem-electric.vn/bao-cai-tai-chinh>

Hà Nội, ngày 16 tháng 04 năm 2025

CTCP THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

TỔNG GIÁM ĐỐC



TRẦN THỊ THU THỦY



CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024



Người ký: CÔNG
TY CỔ PHẦN
THIẾT BỊ ĐIỆN
MIỀN BẮC

CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN MIỀN BẮC

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 – 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 – 5
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	6 – 7
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	9
Thuyết minh Báo cáo tài chính	10 – 25



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Vũ Thị Thư	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Cung Tố Lan	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Trần Thị Thu Thủy	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Phương	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Đỗ Thị My	Trưởng ban Kiểm soát (bổ nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Nguyễn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban Kiểm soát (miễn nhiệm ngày 22/02/2024)
Bà Nguyễn Thị Hà	Thành viên
Bà Vũ Quỳnh Hoa	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong suốt năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Bà Trần Thị Thu Thủy	Tổng Giám đốc
----------------------	---------------

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên Hãng RSM Quốc tế.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không, tất cả các sai lệch trọng yếu so với các chuẩn mực này được trình bày và giải thích trong các Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty công bố rằng, ngoại trừ vấn đề được nêu trong Báo cáo kiểm toán độc lập kèm theo, Báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Số: 96/2025/RSMHN-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

V/v: Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024
của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc

Kính gửi: **Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc**

Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (sau đây gọi tắt là "Công ty") bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh Báo cáo tài chính được trình bày từ trang 06 đến trang 25. Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực, hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính, đồng thời chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán đã được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

SỨC MẠNH TỪ VIỆC THẤU HIỂU

KIỂM TOÁN | THUẾ | TƯ VẤN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Như được trình bày tại thuyết minh 4.1 "Tiền và các khoản tương đương tiền", tại ngày 31/12/2024 số dư tiền mặt của Công ty là 11.925.420.860 VND được hình thành từ các giao dịch rút/nộp tiền gửi ngân hàng sang tiền mặt với giá trị lớn trong năm. Chúng tôi đã thực hiện thủ tục chứng kiến kê tiền mặt và các thủ tục khác để kiểm tra bản chất của các giao dịch liên quan. Nhưng chúng tôi không thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp để xác định tính hợp lý của số dư tiền mặt này tại ngày 31/12/2024. Theo đó, Chúng tôi không đưa ra ý kiến về tính hợp lý của số dư tiền mặt của Công ty tại ngày 31/12/2024, cũng như ảnh hưởng của nó đến các khoản mục khác được trình bày trên Báo cáo tài chính năm 2024 của Công ty.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu ra tại đoạn "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc tại ngày 31/12/2024 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Lê Đại Dương
Giám đốc Kiểm toán
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
4650-2021-026-1

Thay mặt và đại diện
Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam
Thành viên Hãng RSM Quốc tế

Hà Nội, Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Vũ Tất Ban
Kiểm toán viên
Số Giấy CN Đăng ký hành nghề kiểm toán:
5110-2025-026-1



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		39.347.550.759	55.035.751.591
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	35.355.406.059	2.913.188.253
1. Tiền	111		35.355.406.059	236.188.253
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.677.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	32.279.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	32.279.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.987.100.017	14.232.790.234
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	4.2	13.492.930.588	13.492.930.588
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		36.117.246	-
3. Phải thu ngắn hạn khác	136		-	739.859.646
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	4.3	(9.541.947.817)	-
IV. Hàng tồn kho	140	4.4	-	5.610.773.104
1. Hàng tồn kho	141		5.224.449.752	5.902.449.826
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(5.224.449.752)	(291.676.722)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.044.683	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.5	5.044.683	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		31.607.632.688	34.371.633.144
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.827.658.409	21.363.425.005
1. Tài sản cố định hữu hình	221	4.6	19.827.658.409	21.363.425.005
Nguyên giá	222		48.704.229.336	48.704.229.336
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.876.570.927)	(27.340.804.331)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		11.779.974.279	13.008.208.139
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	4.7	11.779.974.279	13.008.208.139
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		70.955.183.447	89.407.384.735

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		283.025.794	630.711.985
I. Nợ ngắn hạn	310		283.025.794	630.711.985
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		19.556.258	-
2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	4.5	-	258.774.061
3. Phải trả người lao động	314		-	90.468.387
4. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		65.000.000	83.000.000
5. Phải trả ngắn hạn khác	319		10.800.000	10.800.000
6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		187.669.536	187.669.537
II. Nợ dài hạn	330		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	4.8	70.672.157.653	88.776.672.750
I. Vốn chủ sở hữu	410		70.672.157.653	88.776.672.750
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		88.485.000.000	88.485.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		88.485.000.000	88.485.000.000
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		386.400.000	386.400.000
3. (Lỗ) lũy kế	421		(18.199.242.347)	(94.727.250)
- (Lỗ) lũy kế đến cuối năm trước	421a		(94.727.250)	-
- (Lỗ) năm nay	421b		(18.104.515.097)	(94.727.250)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		70.955.183.447	89.407.384.735



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường
Người lập

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
1. Doanh thu bán hàng và dịch vụ	01	5.1	748.268.250	39.105.095.868
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	10		748.268.250	39.105.095.868
4. Giá vốn hàng bán	11	5.2	6.678.193.500	38.156.104.676
5. (Lỗ)/lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	20		(5.929.925.250)	948.991.192
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	532.142.104	2.674.802.602
7. Chi phí tài chính	22		-	4.800
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.4	12.706.731.951	3.471.566.209
10. (Lỗ)/lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(18.104.515.097)	152.222.785
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận/(lỗ) khác	40		-	-
14. Tổng (lỗ)/lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(18.104.515.097)	152.222.785
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	5.5	-	246.950.035
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. (Lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(18.104.515.097)	(94.727.250)
18. Lãi/(lỗ) cơ bản trên cổ phiếu	70	4.8.4	(2.046)	(11)
19. Lãi/(lỗ) suy giảm trên cổ phiếu	71	4.8.4	(2.046)	(11)



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường
Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2024	Năm 2023
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. (Lỗ)/lợi nhuận trước thuế	01	5.5	(18.104.515.097)	152.222.785
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định	02		2.794.625.456	1.538.582.592
- Các khoản dự phòng	03		14.474.720.847	291.676.722
- (Lãi) chênh lệch TGHĐ do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	5.3	(230.000)	(129.000)
- (Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	5.3	(531.912.104)	(2.601.225.478)
3. (Lô) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		(1.367.310.898)	(618.872.379)
- Giảm các khoản phải thu	09		698.697.717	20.165.871.856
- Giảm hàng tồn kho	10		678.000.074	106.094.586
- (Giảm) các khoản phải trả	11		(103.220.156)	(32.293.957.785)
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		(30.625.000)	1.258.858.860
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	5.5	(244.466.035)	(290.138.695)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(368.924.298)	(11.672.143.557)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi cho vay, mua các CCN của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	-
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các CCN của đơn vị khác	24		33.279.000.000	9.231.682.000
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.3	531.912.104	3.435.986.089
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		32.810.912.104	12.667.668.089
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(1.194.547.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(1.194.547.500)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	50		32.441.987.806	(199.022.968)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	4.1	2.913.188.253	3.112.082.221
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		230.000	129.000
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	4.1	35.355.406.059	2.913.188.253



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

[Signature]

Đỗ Thị Thường
Kế toán trưởng

[Signature]

Đỗ Thị Thường
Người lập



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1.1 Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thiết bị điện Miền Bắc (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 8788718031 ngày 28/5/2004 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Bắc Ninh cấp và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2300244882 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bắc Ninh cấp lần đầu ngày 28/5/2004. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư thay đổi gần nhất lần thứ 06 ngày 26/01/2022, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi gần nhất lần thứ 10 ngày 22/02/2024 do thay đổi cơ cấu vốn.

Ngày 28/12/2023, Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội ban hành Thông báo số 5607/TB-SGDHN thông báo chính thức đưa cổ phiếu công ty vào giao dịch trên thị trường UPCoM với mã chứng khoán NEM.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mới nhất ngày 22/02/2024, Công ty có vốn điều lệ là 88.485.000.000 VND, chia thành 8.848.500 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phần.

Thời gian hoạt động của dự án kể từ ngày cấp Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu (ngày 28/5/2004) là 30 năm.

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Khu công nghiệp Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2024 là 03 người (tại ngày 01/01/2024 là 05 người).

1.2 Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất, kinh doanh thương mại các thiết bị điện.

1.3 Ngành nghề kinh doanh

Ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất thiết bị đo lường, kiểm tra, định hướng và điều khiển;
- Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện;
- Xây dựng công trình công ích;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật.

1.4 Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5 Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Từ cuối năm 2019, Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ. Do đó, các tài sản cố định của Công ty trên dây chuyền này đã không còn sử dụng từ thời điểm đó. Đồng thời, một lượng giá trị hàng tồn kho của Công ty được mua từ năm 2019 cũng chưa sử dụng. Tại ngày 31/12/2024, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cho toàn bộ hàng tồn kho tồn đọng.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước ngoài nước CHXHCN Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

2.2 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

3.1 Tuân thủ Chuẩn mực Kế toán và Chế độ Kế toán

Công ty đã tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này.

3.2 Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.3 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi tiết kiệm, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng hoặc các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao. Các khoản đầu tư có tính thanh khoản cao là các khoản có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các khoản tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác sau khi trừ đi các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán và các khoản nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác để mang hàng tồn kho đến đúng điều kiện và địa điểm hiện tại của chúng. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên tình hình hoạt động bình thường.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.5 Hàng tồn kho (tiếp)

Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho hàng tồn kho bị hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời, chậm luân chuyển và hàng tồn kho có giá gốc ghi trên sổ kế toán cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

Số tăng hoặc giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được tính theo từng loại dịch vụ có mức giá riêng biệt.

Nguyên liệu, vật liệu và công cụ, dụng cụ dự trữ để sử dụng cho mục đích sản xuất ra sản phẩm không được lập dự phòng nếu sản phẩm do chúng góp phần cấu tạo nên sẽ được bán bằng hoặc cao hơn giá thành sản xuất của sản phẩm.

3.6 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc. Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoảng thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí chủ yếu được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh là giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, đầu tư hạ tầng kỹ thuật.

3.7 Tài sản cố định hữu hình và hao mòn

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Cụ thể như sau:

	Thời gian sử dụng ước tính (năm)
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 29
Máy móc, thiết bị	07 – 12
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị dụng cụ quản lý	10
Tài sản cố định khác	08

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.8 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

3.9 Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

3.10 Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa bán ra trong năm theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

3.11 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; Chi phí vật liệu văn phòng, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; Tiền thuê đất, thuê môn bài; Dịch vụ mua ngoài (điện, nước, điện thoại,...); Chi phí bằng tiền khác (tiếp khách).

3.12 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

3.13 Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

3.14 Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc năm tài chính. Năm 2024, Công ty hoạt động lỗ nên không phát sinh nghĩa vụ thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế "TNDN").

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng ("GTGT") của các hàng hóa do Công ty cung cấp theo các mức như sau:

- Bán các sản phẩm bằng đồng (dây đồng,...) và các thiết bị khác 10%

Các loại thuế khác

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Tiền mặt (i)	11.925.420.860	66.441.811
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	23.429.985.199	169.746.442
Các khoản tương đương tiền	-	2.677.000.000
Cộng	35.355.406.059	2.913.188.253

- (i) Số dư tiền mặt được hình thành chính từ các giao dịch giao dịch rút/nộp tiền gửi ngân hàng sang tiền mặt với giá trị lớn trong năm

4.2 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Phải thu bên thứ ba	13.492.930.588	13.492.930.588
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	9.975.798.689	9.975.798.689
Công ty Cổ phần Điện Công nghiệp Hà Nội	3.517.131.899	3.517.131.899
Cộng	13.492.930.588	13.492.930.588

4.3 Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Tại ngày 31/12/2024 VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Dự phòng
Công ty CP Kỹ thuật Công nghiệp Á Châu	9.975.798.689	2.192.416.821	(7.783.381.868)
Công ty CP Điện Công nghiệp Hà Nội	3.517.131.899	1.758.565.950	(1.758.565.949)
Cộng	13.492.930.588	3.950.982.771	(9.541.947.817)

Tại ngày 31/12/2024, Công ty thực hiện trích lập dự phòng phải thu khó đòi với giá trị 9.541.947.817 VND theo quyết định số 02/QĐ-TLDP ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.4 Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2024 VND	Tại ngày 01/01/2024 VND
Giá gốc	5.224.449.752	5.902.449.826
Nguyên liệu, vật liệu	3.178.489.163	3.856.489.237
Công cụ, dụng cụ	62.577.476	62.577.476
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	52.146.398	52.146.398
Thành phẩm	1.931.236.715	1.931.236.715
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(5.224.449.752)	(291.676.722)
Nguyên liệu, vật liệu	(3.178.489.163)	(167.678.468)
Công cụ, dụng cụ	(62.577.476)	(32.810.453)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	(52.146.398)	(52.146.398)
Thành phẩm	(1.931.236.715)	(39.041.403)
Cộng	-	5.610.773.104

Hàng tồn kho của Công ty là công tơ điện và các vật tư thiết bị điện khác. Từ cuối năm 2019, Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ. Trong năm, Công ty đã tiến hành trích lập dự phòng cho toàn bộ mã hàng tồn kho với giá trị là 5.224.449.752 VND theo Quyết định trích lập dự phòng số 01/QĐ-TLDP ngày 31/12/2024 của Tổng Giám đốc Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.5 Thuế và các khoản khác phải nộp, phải thu Nhà nước

	Tại ngày 01/01/2024		Trong năm		Tại ngày 31/12/2024	
	VND		VND		VND	
	Phải thu	Phải nộp	Đã nộp/khấu trừ	Phải nộp	Phải thu	Phải nộp
Thuế GTGT được khấu trừ	-	-	68.005.814	62.961.131	5.044.683	-
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	-	14.308.026	89.134.851	74.826.825	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	244.466.035	244.466.035	-	-	-
Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	-	198.206.400	198.206.400	-	-
Các loại thuế khác	-	-	7.247.280	7.247.280	-	-
Các khoản phí, lệ phí	-	-	11.007.150	11.007.150	-	-
Cộng	-	258.774.061	550.061.716	291.287.655	-	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.6 Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định khác VND	Cộng VND
NGUYÊN GIÁ						
Tại ngày 01/01/2024	38.523.323.644	8.202.544.740	1.853.916.364	53.363.636	71.080.952	48.704.229.336
Tại ngày 31/12/2024	38.523.323.644	8.202.544.740	1.853.916.364	53.363.636	71.080.952	48.704.229.336
HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2024	17.407.408.481	8.188.554.898	1.620.396.364	53.363.636	71.080.952	27.340.804.331
Khấu hao	1.425.503.004	10.183.592	100.080.000	-	-	1.535.766.596
Tại ngày 31/12/2024	18.832.911.485	8.198.738.490	1.720.476.364	53.363.636	71.080.952	28.876.570.927
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2024	21.115.915.163	13.989.842	233.520.000	-	-	21.363.425.005
Tại ngày 31/12/2024	19.690.412.159	3.806.250	133.440.000	-	-	19.827.658.409

Tại ngày 31/12/2024, nguyên giá tài sản cố định hữu hình hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng là 9.119.205.692 VND (tại ngày 01/01/2024 là 9.027.705.692 VND).

Công ty đã dừng hoạt động của dây chuyền sản xuất công tơ từ cuối năm 2019, do đó các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạm dừng từ cuối năm 2019. Giá trị khấu hao của các tài sản này trong năm 2024 là 1.067.420.396 VND (năm 2023 là 1.070.236.392 VND).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.7 Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
	VND	VND
Giá trị quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, hạ tầng kỹ thuật (i)	11.749.349.279	13.008.208.139
Chi phí trả trước dài hạn khác	30.625.000	-
Cộng	11.779.974.279	13.008.208.139

(i) Đây là giá trị còn lại của quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng và hạ tầng kỹ thuật liên quan đến các lô đất với tổng diện tích 23.596 m² được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất bởi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bắc Ninh ngày 02/7/2020 tại KCN Quế Võ, Phường Phương Liễu, Thị xã Quế Võ, Tỉnh Bắc Ninh, ghi nhận theo các Chứng thư thẩm định giá ngày 12/12/2012 và 15/3/2013 do Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) thực hiện. Theo đó, nguyên giá của khoản mục này là 24.493.652.462 VND được phân bổ trong vòng 30 năm đến hết ngày 28/5/2034 (ngày hết hạn sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất).

4.8 Vốn chủ sở hữu

4.8.1 Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn góp của chủ sở hữu VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	(Lỗ) lũy kế VND	Cộng VND
Tại ngày 01/01/2023	88.485.000.000	386.400.000	1.276.217.037	90.147.617.037
Lỗ trong năm	-	-	(94.727.250)	(94.727.250)
Chia các quỹ	-	-	(81.669.537)	(81.669.537)
Trả cổ tức	-	-	(1.194.547.500)	(1.194.547.500)
Tại ngày 31/12/2023	88.485.000.000	386.400.000	(94.727.250)	88.776.672.750
Tại ngày 01/01/2024	88.485.000.000	386.400.000	(94.727.250)	88.776.672.750
Lỗ trong năm	-	-	(18.104.515.097)	(18.104.515.097)
Tại ngày 31/12/2024	88.485.000.000	386.400.000	(18.199.242.347)	70.672.157.653

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

4.8 Vốn chủ sở hữu (tiếp)

4.8.2 Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

Tên cổ đông	Số vốn đã góp			
	Tại ngày 31/12/2024		Tại ngày 01/01/2024	
	1.000 VND	%	VND	%
Trần Thị Thu Thủy	31.834.180	35,98	31.834.180	35,98
Nguyễn Thị Phương	23.236.160	26,26	23.236.160	26,26
Vũ Thị Thư	25.558.320	28,88	23.040.320	26,04
Các cổ đông khác	7.856.340	8,88	10.374.340	11,72
Cộng	88.485.000	100	88.485.000	100

4.8.3 Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2024 Cổ phiếu	Tại ngày 01/01/2024 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	8.848.500	8.848.500
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	8.848.500	8.848.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.848.500	8.848.500
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	8.848.500	8.848.500
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	8.848.500	8.848.500
Mệnh giá cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

4.8.4 (Lỗ) cơ bản và (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(18.104.515.097)	(94.727.250)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
Số cổ phiếu phổ thông bình quân lưu hành trong năm	8.848.500	8.848.500
(Lỗ) cơ bản trên cổ phiếu (EPS)	(2.046)	(11)

Hiện tại, Công ty xác định chưa có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm nên (lỗ) suy giảm trên cổ phiếu bằng với (lỗ) cơ bản trên cổ phiếu.

4.9 Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2024	Tại ngày 01/01/2024
1. Ngoại tệ các loại		
- USD	200,00	200,00

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

5.1 Doanh thu bán hàng và dịch vụ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu bán hàng hóa	748.268.250	39.105.095.868
Cộng	748.268.250	39.105.095.868

5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn của hàng hóa đã bán (i)	1.745.420.470	37.864.427.954
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.932.773.030	291.676.722
Cộng	6.678.193.500	38.156.104.676

(i) Trong đó, chi phí khấu hao của các tài sản đã dùng hoạt động tại dây chuyền sản xuất công tơ trong năm 2024 là 1.067.420.396 VND (năm 2023: 1.070.236.392 VND)

5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	531.912.104	2.601.225.478
Lãi chênh lệch tỷ giá thực hiện	-	73.448.124
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại	230.000	129.000
Cộng	532.142.104	2.674.802.602

5.4 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân viên quản lý	347.181.150	769.255.865
Chi phí vật liệu văn phòng	33.274.232	35.569.550
Chi phí khấu hao tài sản	468.346.200	468.346.200
Dự phòng phải thu khó đòi	9.541.947.817	
Thuế và các khoản lệ phí	18.254.430	32.414.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.759.450	431.134.243
Chi phí khác bằng tiền	1.438.968.672	1.734.846.310
Cộng	12.706.731.951	3.471.566.209

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.5 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập tính thuế của năm hiện tại. Thu nhập tính thuế khác với thu nhập được báo cáo trong Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh vì thu nhập tính thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong năm khác, không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế và cũng không bao gồm các khoản thu nhập được miễn thuế và các khoản chuyển lỗ năm trước. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc năm tài chính.

Dưới đây là đối chiếu giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty và lãi/(lỗ) theo số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	(18.104.515.097)	152.222.785
Các khoản điều chỉnh	1.497.319.396	1.082.527.392
Chi phí không được trừ	430.000.000	12.420.000
Chi phí khấu hao của TSCĐ không phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh (i)	1.067.420.396	1.070.236.392
(Lãi) do đánh giá lại chênh lệch tỷ giá năm nay	(230.000)	(129.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái đánh giá lại năm trước	129.000	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	(16.607.195.701)	1.234.750.177
Thu nhập tính thuế của năm	(16.607.195.701)	1.234.750.177
Thuế suất (%)	20%	20%
Thuế TNDN ước tính trong năm	-	246.950.035
CP thuế TNDN hiện hành ước tính	-	246.950.035
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	244.466.035	287.654.695
Thuế TNDN đã trả trong năm	(244.466.035)	(290.138.695)
Thuế TNDN phải nộp cuối năm	-	244.466.035

(i) Chi tiết xem tại Thuyết minh 4.5 "Tài sản cố định hữu hình".

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)

5.6 Lỗ kết chuyển

Công ty được phép chuyển các khoản lỗ tính thuế sang năm sau để bù trừ với lợi nhuận thu được trong vòng 05 năm tính từ năm tiếp theo sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Chi tiết các khoản đã chuyển trong năm và các khoản lỗ tính thuế còn lại ước tính để chuyển lỗ như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Tình trạng kiểm tra thuế	Lỗ tính thuế (i) VND	Lỗ chưa sử dụng đến ngày 01/01/2024 VND	Chuyển lỗ trong năm VND	Không còn hiệu lực VND	Chưa sử dụng đến ngày 31/12/2024 VND
2024	2029	Chưa QT	(16.607.195.701)	-	-	-	(16.607.195.701)
Cộng lỗ tính thuế			(16.607.195.701)	-	-	-	(16.607.195.701)

(i) Lỗ tính thuế được ghi nhận theo tờ khai thuế của Công ty.

Khoản lỗ thực tế có thể được mang sang để khấu trừ phụ thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế địa phương.

Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận cho khoản lỗ tính thuế 16.607.195.701 VND được quyền chuyển sang năm sau do tính không chắc chắn của lợi nhuận tính thuế trong tương lai.

5.7 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	347.181.150	769.255.865
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	711.274.306	35.569.550
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.535.766.596	1.538.582.592
Thuế và các khoản lệ phí	18.254.430	32.414.041
Chi phí dịch vụ mua ngoài	858.759.450	431.134.243
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.932.773.030	291.676.722
Dự phòng phải thu khó đòi	9.541.947.817	-
Chi phí khác bằng tiền	1.438.968.672	1.734.846.310
Cộng	19.384.925.451	4.833.479.323

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6. THÔNG TIN KHÁC

6.1 Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể với bên kia trong việc ra quyết định đối với các chính sách và hoạt động.

Theo đó, bên liên quan của Công ty bao gồm các thành viên trong Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc Công ty và các cổ đông lớn.

Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan:

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2024	Năm 2023
	VND	VND
Tổng thu nhập của Ban Giám đốc	13.241.351	171.356.160
Bà Trần Thị Thu Thủy - Tổng Giám đốc	13.241.351	171.356.160
Cộng	13.241.351	171.356.160

Thu nhập của Ban kiểm soát

Trong năm 2024, thu nhập của Ban Kiểm soát là 0 VND (thu nhập của Ban Kiểm soát trong năm 2023 là 0 VND).

6.2 Thông tin khác

Ngày 13/8/2024 Ủy ban chứng khoán nhà nước ban hành công văn số 5113/UBCK-GSĐC về việc đề nghị hủy đăng ký công ty đại chúng. Theo đó, căn cứ theo hồ sơ của Công ty, Công ty hiện không đủ điều kiện là công ty đại chúng từ ngày 22/7/2024 do có 128 cổ đông không phải là cổ đông lớn nắm giữ 8,89% số cổ phiếu có quyền biểu quyết, không còn đáp ứng điều kiện là công ty đại chúng theo quy định tại điểm a, khoản 1, điều 32 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019. Do vậy, sau 01 năm kể từ ngày không đáp ứng các điều kiện công ty đại chúng (ngày 22/7/2024), UBCKNN đề nghị Công ty nộp hồ sơ hủy tư cách công ty đại chúng đến UBCKNN theo quy định tại Điều 39 Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019.

6.3 Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện một số giao dịch nộp/rút tiền mặt. Theo đó, số dư tiền gửi ngân hàng tại ngày phát hành báo cáo tài chính này là 30.189.573.438 VND.

Ngoài sự kiện nêu trên, Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh hoặc công bố trong Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2024.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo

6.4 Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu của Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam.



Trần Thị Thu Thủy
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2025

Đỗ Thị Thường
Kế toán trưởng

Đỗ Thị Thường
Người lập



RSM Việt Nam

Văn phòng Hà Nội
Tầng 25 Tháp A, Tòa nhà Discovery Complex,
Số 302 Cầu Giấy, Phường Dịch Vọng,
Quận Cầu Giấy, TP. Hà Nội, Việt Nam

T: 024 3795 5353 F: 024 3795 5252
Hotline: 098 8139 090

contact_hn@rsm.com.vn
www.rsmhanoi.com.vn

Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh
Tầng 3A, Tòa nhà L'Mak The Signature
147-147 Hai Bà Trưng
Phường Võ Thị Sáu, Quận 3
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

T: 028 3827 5026
contact_hcm@rsm.com.vn

www.rsm.global/vietnam

RSM Việt Nam là một thành viên của mạng lưới RSM và giao dịch dưới dạng RSM. RSM là tên giao dịch được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới RSM. Mỗi thành viên của mạng lưới RSM là một công ty tư vấn và kế toán độc lập, mỗi công ty đều hoạt động theo quyền riêng của mình. Mạng lưới RSM không phải là một thực thể pháp lý riêng biệt của bất kỳ mô tả nào trong bất kỳ quyền thực thi pháp lý nào.

Mạng lưới RSM không phải là một thực thể pháp lý riêng biệt của bất kỳ mô tả nào trong bất kỳ quyền thực thi pháp lý nào. Mạng lưới RSM được quản lý bởi RSM International Limited, một công ty đã đăng ký tại Anh và xứ Wales (mã số công ty 4040598) có văn phòng tại 50 Cannon Street, London EC4N 6JJ. Thương hiệu RSM và các quyền sở hữu trí tuệ khác được sử dụng bởi các thành viên của mạng lưới thuộc quyền sở hữu của Hiệp hội Quốc tế RSM, một hiệp hội chịu sự điều chỉnh của điều 60 và điều khoản của Bộ luật Dân sự Thụy Sĩ có trụ sở tại Zug.